TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT
Ngày 22/01/2024
V/v: *Ly hôn, nuôi con chung, chia nợ chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

Các Thẩm phán: Bà Đàm Thị Minh Hường

Bà Lý Thị Thúy

-Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thuý Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 thánh 01 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/HNGĐ-PT, ngày 16/10/2023 về việc *"Ly hôn, nuôi con chung, chia nợ chung"* do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2023/HNGĐ-ST, ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2024/QĐ-PT, ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

*<u>Nguyên đơn</u>: Bà **Lèng Thị T1**, sinh năm 1977. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* <u>Bị đơn</u>: Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

* <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>: Ông Phạm Xuân B, sinh năm 1979. Có mặt

Nơi ĐKHKTT: Tổ G, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

Người kháng cáo: Ông Phạm Xuân B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lèng Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Dương Văn H chung sống với nhau từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, được cưới hỏi theo phong tục tập quán cuả địa phương và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 28/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ghen tuông, thường xuyên cãi vã, hành hạ nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, không hòa hợp. Vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là cháu DươngThúy H1, sinh ngày 24/8/2001 và Dương Ngọc H2, sinh ngày 13/3/2006. Cháu Dương Thúy H3, hiện nay đã lập gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Dương Ngọc H2, hiện nay đang ở với bố tại thôn Bản Khiếu, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và đang học lớp 11 trường Trung học phổ thông C, cháu khỏe mạnh, học tập, phát triển bình thường. Khi ly hôn ông Dương Văn H có nguyện vọng nuôi con chung Dương Ngọc H2, bà đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung Dương Ngọc H2: Bà và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng nợ ông Phạm Xuân B tổng số tiền: 61.200.000đ *(Sáu mươi mốt triệu hai trăm nghìnđồng).* Khi ly hôn bà đề nghị ông H có trách nhiệm trả ½ số nợ trên cho ông Phạm Xuân B.

***Bị đơn ông Dương Văn H trình bày*:**

Ông đã nhận được tất cả các tài liệu, văn bản tố tụng mà Tòa án gửi tuy nhiên do ông bận công việc gia đình nên ông không đến Tòa án làm việc theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Ông không có yêu cầu phản tố.

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T1 chung sống với nhau từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, được cưới hỏi theo phong tục tập quán cuả địa phương và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 28/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ tháng 6 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T1 đề nghị ly hôn, ông nhất trí.

Về con chung: Ông xác định đúng như bà T1 trình bày. Cháu Dương Thúy H3, sinh ngày 24/8/2001 và cháu Dương Ngọc H2, sinh ngày 13/3/2006. Ông có nguyện vọng nuôi con chung Dương Ngọc H2, bà T1 đồng ý và phù hợp với ý kiến của con chung Dương Ngọc H2.

Về cấp dưỡng nuôi con chung Dương Ngọc H2: Ông không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Ông và bà T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo ông Phạm Xuân B trình bày vợ chồng ông nợ ông B số tiền: 61.200.000đ và đề nghị ông và bà T1 có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông B, ông không nhất trí. Ngoài ra không có khoản nợ chung nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Xuân B trình bày: Từ ngày 12/12/2021 đến ngày 19/6/2022 gia đình ông bán cho vợ chồng bà T1 ông H 7.200kg gạo lứt (gạo nấu rượu), với giá 11.600đ/01 kg thành tiền là: 83.500.000đ. Ngày 19/5/2022 vợ chồng bà T1, ông H đã cho ông 22.300.000₫ với cách thức vừa trả bằng tiền mặt, vừa trả bằng rượu quy ra tiền mặt theo giá thị trường. Hiện nay vợ chồng bà T1, ông H còn nợ ông tổng số tiền là: 61.200.000đ. Nếu vợ chồng bà T1, ông H ly hôn, ông yêu cầu vợ chồng bà T1, ông H phải cùng nhau có trách nhiệm trả cho ông số tiền trên. Ngoài ra ông không có yêu cầu khác

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST, ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228/ BLTTDS; Các Điều 27, 37, 51, 56, 57, 58, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lèng Thị T1 xin được ly hôn ông Dương Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lèng Thị T1 được ly hôn ông Dương Văn H
- Về con chung: Giao con chung Dương Ngọc H2, sinh ngày 13/3/2006 cho ông Dương Văn H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện nay con chung đang ở với ông Dương Văn H tại thôn Bản Khiếu, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Về cấp dưỡng nuôi con chung không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, bà Lèng Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về tài sản chung: Bà T1, ông H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Bà Lèng Thị T1 và ông Dương Văn H mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ (Bằng 50%) của số tiền nợ là: 61.200.000₫ (Sáu mươi mốt triệu. hai trăm nghìn đồng) tương đương với số tiền nợ là: 30.600.000₫ (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) cho ông Phạm Xuân B địa chỉ nơi tạm trú thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân B kháng cáo với nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà T1 có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 61.200.000đ với lý do bà T1 là người gọi lấy gạo và trực tiếp nhập gạo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân B giữ nguyên nội dung kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá các tài liệu chứng cứ phù hợp với các tình tiết khách quan

của vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc kạn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng, thu thập, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, trình tự, thủ tục phiên tòa, văn bản pháp luật áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân B, Hội đồng xét xử thấy:

Bà T1, ông H đều xác định: Từ ngày 12/12/2021 đến ngày 19/6/2022 vợ chồng bà T1, ông H mua với ông B 7.200kg gạo lứt với giá 11.600đ/01 kg, thành tiền là: 83.500.000đ để nấu rượu. Ngày 19/5/2022 đã trả được 22.300.000đ với cách thức vừa trả bằng tiền mặt vừa trả bằng rượu quy ra tiền theo giá thị trường. Hiện nay, vợ chồng bà T1, ông H còn nợ ông B số tiền là: 61.200.000đ. Khi ly hôn bà T1 đề nghị bà và ông H cùng có trách nhiệm trả số tiền 61.200.000 đồng cho ông B, mỗi người trả 1/2 số tiền trên. Ông H không nhất trí trả nợ.

Với những phân tích nêu trên có thể thấy khoản nợ 61.200.000đ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T1, ông H, bà T1, ông H cùng nhau sử dụng để tạo ra nguồn thu nhập cho gia đình, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng là chính xác.

Tại bản tự khai ngày 8/3/2023 (BL35) ông B xác định: Khoản nợ 61.200.000đ là tiền ông bán gạo cho vợ chồng bà T1, ông H hộ nhau làm rượu và chăn nuôi lợn, đồng thời ông đề nghị Tòa án buộc hai vợ chồng bà T1, ông H cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2023 (BL54), phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa ông B vẫn giữ nguyên ý kiến: Khoản nợ 61.200.000đ là nợ chung của vợ chồng bà T1, ông H, vì vậy ông đề nghị bà T1, ông H mỗi người phải trả cho ông ½ số nợ trên.

Điều 27/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Trách nhiệm liên đới của vợ chồng:

"1. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này"

Điều 37/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

"*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thoả thuận xác lập…

Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình…"

Đối chiếu với quy định của pháp luật nêu trên, bà T1, ông H đều phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền 61.200.000đ cho ông B khi ly hôn. Quá trình giải quyết ông B đề nghị bà T1, ông H mỗi người phải trả cho ông ½ số nợ trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà T1, ông H mỗi người phải trả: 30.600.000đ *(Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng)* tương đương với ½ của số tiền nợ 61.200.000đ cho ông Phạm Xuân B là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân B không nhất trí với việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc cả bà T1, ông H cùng trả nợ mà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà T1 phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ 61.200.000đ với lý do bà T1 là người gọi lấy gạo và trực tiếp nhập gạo là không có căn cứ để xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông B cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới, do đó kháng cáo của là ông B không có căn cứ để chấp nhận, cần bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST ngày 18/8 /2023 về việc *"Ly hôn ,nuôi con chung, chia nợ chung"* của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Xuân B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân B.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST, ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc *"Ly hôn, nuôi con chung, nợ chung"*của Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Về án phí:

Ông Phạm Xuân B phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) mà ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001468, ngày 31/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận ông B đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND thành phố Bắc Kạn
- Các đương sự
- Chi cục THADS H. Chợ Đồn;
- UBND xã Bằng Phúc, H Chợ Đồn
- Lưu HS;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai